

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hình thức câu hỏi kiểm tra; miễn (lĩnh vực) năng lực; danh mục các vấn đề chuyên môn cốt lõi và cấu trúc đề kiểm tra (Test blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Y khoa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG Y KHOA QUỐC GIA

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

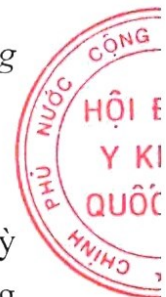
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các nội dung phục vụ Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Y khoa, bao gồm:

- Hình thức câu hỏi kiểm tra.
- Miễn (lĩnh vực) năng lực.
- Danh mục các vấn đề chuyên môn cốt lõi.
- Cấu trúc đề kiểm tra (Test blueprint).

(Chi tiết nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Các trọng số của Cấu trúc đề kiểm tra (Test Blueprint) có thể được điều chỉnh theo từng Kỳ kiểm tra trên cơ sở yêu cầu thực tiễn và do Hội đồng Y khoa Quốc gia quyết định.



Điều 3. Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông/Bà: Phó Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia, Chánh Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia, Trưởng ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- GS.TS Trần Văn Thuấn, Thứ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Hội đồng (để báo cáo);
- Các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Các Ban chuyên môn thuộc Hội đồng, các Tiểu ban thuộc các Ban chuyên môn;
- Các cơ sở đào tạo khối ngành Khoa học sức khỏe;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngô Quang



**HỘI ĐỒNG
Y KHOA QUỐC GIA**

PHỤ LỤC

**Hình thức câu hỏi kiểm tra; miền (lĩnh vực) năng lực;
danh mục các vấn đề chuyên môn cốt lõi và cấu trúc đề kiểm tra (Test Blueprint)
cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đối với đối tượng Bác sĩ Y khoa**
(Ban hành kèm Quyết định số **22** /HĐYKQG ngày **21** tháng **4** năm 2026
của Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia)

1. Hình thức câu hỏi kiểm tra: Hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan, loại câu hỏi nhiều lựa chọn (Multiple Choice Questions – MCQs)

2. Miền (lĩnh vực) năng lực cho đối tượng Bác sĩ Y khoa: 04 miền (lĩnh vực) năng lực (Bao gồm: Hành nghề chuyên nghiệp, Ứng dụng kiến thức y học, Chăm sóc y khoa, Các nguyên tắc về giao tiếp và cộng tác).

3. Danh mục 128 vấn đề chuyên môn cốt lõi chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bác sĩ Y khoa:

STT	Các vấn đề chuyên môn cốt lõi	
1.	Hệ Miễn dịch	Chủng ngừa (Tiêm ngừa/Tiêm phòng) ở trẻ em và người lớn
2.		Sốt và sốt phát ban
3.		Bất thường thân nhiệt ở trẻ sơ sinh
4.		HIV/AIDS - Phòng ngừa phơi nhiễm HIV
5.		Phản vệ
6.	Hệ Máu - Lưới - Bạch huyết	Xuất huyết bất thường (chảy máu, ban xuất huyết, bầm máu, ổ tụ máu)
7.		Thiếu máu
8.		Bất thường tế bào bạch cầu
9.		Tai biến truyền máu
10.	Sức khỏe hành vi - Tâm thần	Rối loạn phát triển ở trẻ em
11.		Rối loạn khí sắc
12.		Lo âu / hoảng loạn / ám ảnh
13.		Nghiện/rối loạn sử dụng chất
14.	Hệ thần kinh và các giác quan	Giảm trí nhớ và suy giảm nhận thức
15.		Đau đầu
16.		Chóng mặt, choáng váng

STT	Các vấn đề chuyên môn cốt lõi	
17.		Rối loạn cảm giác
18.		Yếu liệt vận động
19.		Rối loạn vận động
20.		Co giật - cơn động kinh
21.		Hội chứng màng não
22.		Đỏ mắt
23.		Ù tai/đau tai/chảy dịch tai
24.	Da - mô dưới da	Ngứa
25.		Mày đay
26.		Viêm da cơ địa
27.	Hệ cơ xương khớp	Nhiễm trùng mô mềm/Tổn thương mô mềm
28.		Gãy xương do chấn thương
29.		Tổn thương gân - dây chằng
30.		Trật khớp
31.		Đau chi trên / chi dưới không do chấn thương
32.		Đau cổ/ngực, lưng
33.	Hệ tim mạch	Đau ngực
34.		Tiếng tim và âm thổi bất thường
35.		Hồi hộp/rối loạn nhịp tim/Bất thường điện tâm đồ
36.		Tăng huyết áp
37.		Bệnh lý mạch máu ngoại biên
38.	Hệ hô hấp	Đau họng và/hoặc chảy mũi
39.		Khàn tiếng
40.		Ho đàm - ho khan
41.		Ho ra máu
42.		Khò khè
43.		Thở rít
44.		Khó thở mạn
45.		Tím - giảm oxy máu
46.		Tràn dịch màng phổi
47.		Bất thường X quang ngực
48.		Trị số khí máu động mạch bất thường
49.	Hệ tiêu hóa	Buồn nôn / nôn
50.		Nghẹn, nuốt khó
51.		Đau bụng cấp

STT	Các vấn đề chuyên môn cốt lõi	
52.		Đau bụng mạn ở người lớn/Ợ nóng/ ợ trớ/ khó tiêu
53.		Bảng bụng (Cổ trướng)
54.		Khối ở bụng
55.		Trướng bụng
56.		Xuất huyết tiêu hóa trên
57.		Xuất huyết tiêu hóa dưới
58.		Đau hậu môn - Ngứa hậu môn - Khối lồi ra ở hậu môn
59.		Khối ở bẹn bìu
60.		Tiêu chảy cấp
61.		Táo bón, thay đổi dạng phân, thay đổi thói quen đi tiêu (đại tiện)
62.		Vàng da
63.		Bất thường chức năng gan/ men gan
64.		Tầm soát ung thư đại trực tràng
65.	Hệ thận - niệu	Tắc nghẽn đường tiết niệu, bí tiểu
66.		Rối loạn đi tiểu
67.		Tiểu máu
68.		Tiểu đạm (Protein niệu)
69.		Phù
70.		Tổn thương thận cấp
71.		Bệnh thận mạn
72.		Bất thường xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu, cặn lắng nước tiểu
73.	Thai kỳ, Chuyển dạ, Sinh đẻ và Hậu sản	Rối loạn điện giải
74.		Khám thai và tầm soát trong nửa đầu thai kỳ
75.		Xuất huyết âm đạo 3 tháng đầu thai kỳ
76.		Suy thai
77.		Thai giới hạn tăng trưởng trong tử cung
78.		Sinh non
79.		Vết mổ cũ lấy thai
80.		Tăng huyết áp thai kỳ
81.		Đái tháo đường thai kỳ
82.		Chăm sóc cơ bản trong chuyển dạ
83.		Một số vấn đề trong thời kỳ hậu sản

STT	Các vấn đề chuyên môn cốt lõi	
84.		Các vấn đề thường gặp khi cho con bú sữa mẹ
85.	Hệ sinh dục, vú và sức khỏe sinh sản	Khối ở vú – Tầm soát ung thư vú
86.		Vô kinh - Rối loạn phóng noãn
87.		Xuất huyết âm đạo-tử cung bất thường
88.		Viêm vùng chậu cấp
89.		Tiết dịch âm đạo bất thường
90.		Nhiễm khuẩn lây qua tình dục
91.		Khối vùng chậu
92.		Tầm soát ung thư cổ tử cung
93.		Tránh thai / tránh thai khẩn cấp
94.	Hệ nội tiết - dinh dưỡng - chuyển hóa	Rối loạn đường huyết
95.		Rối loạn chức năng tuyến giáp
96.		Khối ở cổ
97.		Hội chứng Cushing
98.		Rối loạn Lipid máu
99.		Sụt cân / suy dinh dưỡng/ Tư vấn chế độ ăn
100.		Tăng cân / béo phì
101.	Rối loạn đa cơ quan	Té ngã
102.		Đuối nước
103.		Vết cắn do động vật / côn trùng
104.		Ngộ độc / nhiễm độc
105.		Cứng hàm
106.		Vàng da sơ sinh
107.		Tầm soát bệnh không triệu chứng - Khám sức khỏe định kỳ cho cá nhân và gia đình
108.		Kiểm soát đau
109.		Nhiễm khuẩn vết mổ
110.		Đánh giá trước phẫu thuật
111.	Y học cấp cứu	Ngưng tim ngưng thở
112.		Sốc
113.		Rối loạn ý thức
114.		Đột quỵ
115.		Khó thở cấp
116.		Cấp cứu sản khoa
117.		Chấn thương sọ não – cột sống



STT	Các vấn đề chuyên môn cốt lõi	
118.		Chấn thương - tổn thương ngực
119.		Chấn thương - vết thương mạch máu
120.		Chấn thương - vết thương bụng
121.		Đa chấn thương
122.		Bỏng
123.	Thống kê y sinh học, Dịch tễ học/Sức khỏe dân số và Diễn giải y văn	Thống kê y sinh học và Diễn giải kết quả nghiên cứu trong y văn
124.		Dịch tễ học/Sức khỏe dân số
125.	Khoa học xã hội trong y học	Kỹ năng giao tiếp
126.		Y đức
127.		An toàn người bệnh
128.		Luật pháp và Chính sách y tế

4. Cấu trúc đề kiểm tra (Test Blueprint) chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bác sĩ Y khoa:

4.1. Trọng số của 17 đề mục (gồm hệ cơ quan và các vấn đề):

STT	Các đề mục	Trung bình	
		Min	Max
1.	Hệ Miễn dịch	3	5
2.	Hệ Máu – Lưới – Bạch huyết	3	5
3.	Sức khỏe hành vi – Tâm thần	2	4
4.	Hệ thần kinh	3	5
5.	Da – Mô dưới da	1	3
6.	Hệ cơ xương khớp	4	6
7.	Hệ tim mạch	7	10
8.	Hệ hô hấp	9	11
9.	Hệ tiêu hóa	13.5	16.5
10.	Hệ thận niệu	7	9
11.	Thai kỳ, Chuyển dạ, Sinh đẻ và Hậu sản	6	8
12.	Hệ sinh dục, Vú và Sức khỏe sinh sản	5	7
13.	Hệ nội tiết - Dinh dưỡng – Chuyển hoá	4	6
14.	Rối loạn đa cơ quan	4	6
15.	Y học cấp cứu	9	11
16.	Thống kê y sinh học/DTH, SKDS/Diễn giải y văn	1	3
17.	Khoa học xã hội trong y học	1	3



4.2. Trọng số Lĩnh vực năng lực (Các trọng số có thể thay đổi theo kỳ kiểm tra):

STT	Năng lực		Trung bình	
			Min	Max
1.	Áp dụng khái niệm Khoa học cơ bản	Áp dụng khái niệm Khoa học cơ bản	1	3
2.	Chẩn đoán	Bệnh sử / Thăm khám thực thể		
3.		Cận lâm sàng / XN chẩn đoán	45	60
4.		Chẩn đoán		
5.		Tiên lượng / Kết cục		
6.	Xử trí	Duy trì sức khỏe / Phòng bệnh		
7.		Liệu pháp thuốc	35	50
8.		Can thiệp lâm sàng		
9.		Xử trí phối hợp		
10.	Học tập và cải thiện dựa trên thực hành	Học tập và cải thiện dựa trên thực hành	1	3
11.	Giao tiếp và tính chuyên nghiệp	Giao tiếp và tính chuyên nghiệp	1	3
12.	Thực hành dựa trên hệ thống và an toàn bệnh nhân	Thực hành dựa trên hệ thống và an toàn bệnh nhân	1	2

4.3. Trọng số Mức độ nhận thức theo thang Bloom chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bác sĩ Y khoa:

	Mức độ nhận thức	Đề xuất
1	Nhớ	0
2	Hiểu	0
3	Áp dụng	100% từ mức Áp dụng trở lên
4	Phân tích	
5	Đánh giá	
6	Sáng tạo	

